

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

GÓP NHẬT
CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN IV

Soạn Giả

QUANG MINH

TÒA THÁNH
NGÀY 20 THÁNG 4 NHUẬN
NHÂM TUẤT (1982)

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ QUANG MINH, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 15/08/2012

Tâm Nguyên

GÓP NHẶT CHUYỆN ĐẠO

Soạn Giả: **QUANG MINH**

MỤC LỤC

LỜI TỰA	9
GÓP NHẶT CHUYỆN ĐẠO	11
1. TAM QUI: PHẬT-PHÁP-TĂNG	11
2. CHỮ NHẪN	14
3. THÁNH GIÁO PHẬT MẪU	19
4. MẮT CHIÊN	21
5. GIỎ HOA LAM	23
• LUẬN VỀ MẮT ĐẠO ĐỨC TINH THẦN	24
• LUẬN VỀ MẮT CHÁNH TRỊ	25
6. GIẢI NGHĨA LÁ CỜ ĐẠO CAO ĐÀI	26
7. HỒNG CHUNG BỮU KỆ	27
8. LỬ ĐỒNG TÂN BÁN DẦU	31
9. PHẢI KHỔ HẠNH MỚI ĐOẠT ĐẠO	32
10. GIÁC MÊ CHÚNG SANH QUI BỐN THIỆN-CỦA ĐỨC HỘ PHÁP	34
11. ĐỨC LỚN	37
12. TÔN CHỈ NHO GIÁO	40
13. HUỖNH HẠC	42
14. LỤC ĐỘ LÀ GÌ?	43
15. TRƯỜNG CÔNG QUẢ	44
16. PHẬT MẪU BAN CHƠN THẦN CHO NHƠN LOẠI	45
17. VIỆC CÔNG-TÌNH TƯ	48
18. ĐẠO LÝ UYÊN THÂM	52
19. PHÙ DU THỂ CUỘC	57



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI TỰA

Có những câu chuyện hoặc bằng hành vi, hoặc viết bằng văn xuôi, hoặc bằng văn vần hay Thánh Giáo, nếu không ghi nhận nó bằng bút mực thì nó sẽ vì thời gian mà quên lãng rất uổng, nên tôi bắt đầu từ nay cố viết nó lại thành một tập để làm tài liệu học Đạo. Lâu lâu xem lại cũng giải khuây trong lúc nhàn rỗi.

Trên bước đường hành Đạo, tôi đã nghe nói hoặc đọc được những gì đáng ghi nhớ tôi sẽ lưu lại cho quý độc giả cùng thưởng thức, có lẽ bổ ích phần nào trên đường tu tiến của chúng ta. Nhất là những lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ Pháp nó làm kim chỉ nam để chúng ta nhắm cho đúng đường mà lập công bồi đức trao giới tâm hồn hầu làm phương châm thoát tục.

Khởi viết tại Tòa Thánh ngày 16-7-Canh Thân (1980)

QUANG MINH

GÓP NHẬP CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN IV

Khởi viết từ 20-3 Nhâm Tuất (13-4-1982)

1.TAM QUI: PHẬT-PHÁP-TĂNG

Chúng ta khi vào cúng phải lấy dấu niệm: nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng... chúng ta tìm hiểu coi các tôn giáo khác có niệm giống ta chăng? Và ý nghĩa như thế nào?

Trong kinh Giác Thế của Đạo Minh Lý có giảng như vậy:

QUI Y PHẬT:

*Phải giác ngộ học theo hạnh Phật,
Bằng muối mè, súc vật trần gian.
Được về vui thiệt nẻo Thiên Đàng,
Chắc phiền não là hàng địa ngục.*

QUI Y PHÁP:

*Làm việc chánh gọi là Pháp vậy,
Theo Bàn Môn nẻo ấy là tà.
Đạo vô vi thiệt Pháp cao xa,
Hữu vi ấy sanh ra dối giả.*

QUI Y TĂNG:

*Tánh ở chơn ấy gọi là Tăng,
Lòng thanh tịnh mới rằng tu niệm.
Còn mè muối chưa từng lý nhiệm,*

Lóng sạch lòng thúc liêm tu hành.

Theo chánh pháp của Phật chỉ căn cứ ở công đức bề trong, tức là chở mình tâm kiến tánh. Phật Pháp Tăng vốn là nơi bốn tánh mình chở chẳng phải ở ngoài. Giữ lòng giác ngộ tức là qui y Phật, giữ lòng chơn chánh tức là qui y Pháp, giữ lòng thanh tịnh tức là qui y Tăng. Nếu trái với tâm pháp này là qui y (nương theo) bàn môn tả Đạo.

Bên Thiên Chúa Giáo, hễ vào nhà thờ thì con chiền qui xuống cũng lấy dấu: nhưn danh cha, nhưn danh con, nhưn danh Thánh Thần, A men.

Còn Đạo Thánh Á Châu tức Nho Giáo nói: Tam Tài giá: Thiên, Địa, Nhơn. Khí chi khinh thanh thượng phù giả vi Thiên, khí chi trọng trược hạ ngưng giả vi địa, do thuyết hỗn độn sơ khai mà ra. Hễ có đất thì đất sanh thảo mộc, thảo mộc biến thú cầm, dần dần thú cầm biến nhưn hình mà thành 3 cái báu:

Trời có Nhật Nguyệt Tinh

Đất có Thủy Hỏa Phong

Người có Tinh Khí Thân

Bây giờ Cao Đài Giáo nói gì?

Chí Tôn là Phật

Phật Mẫu là Pháp

Càn Khôn là Tăng

Địa cầu này có 3.000 thế giới cũng là Tăng.

Chúng ta thấy hình thể một vị Phật Mahagarouth là một vị Chí Phật như Đức Cakya Mouni mà đến thế

gian bưng bình bát du để xin cơm đặng nuôi kẻ khổ. Một người ăn mại ở thế gian như vậy mà nơi cõi hư không lại có quyền năng vô tận vô đối.

Đến Đức Chúa Jesus Christ là một vị Christna Vichnou, đệ nhị kiếp Chí Tôn giáng linh xuống làm một vị bần hàn khổ não để đi xin từng chén cơm, từng miếng bánh, từng miếng bánh mì đặng nuôi kẻ đói khổ. Đó là bài học trước mắt phàm chúng ta đã thấy.

Đấng Tạo Đoan đưa tay xin cho loài người ăn, đó là quyền năng nuôi khắp toàn vạn vật, thế gian chưa hề thấy.

Vậy Đạo này luật thế này, Đạo kia luật thế khác, nhưng không khác hơn Phật giáo.

Nói tóm lại qui y Tăng là phải phục vụ cho người, vì người là đại diện cho vạn vật. Kẻ nào làm cho con người khỏi khổ, sống thoải mái tự do là đúng lý.

Qui y Pháp là phải hiếu hạnh với Phật Mẫu là mẹ của Pháp, đừng sát sanh hại vật, vì cái gì có sự sống là có bàn tay của Phật Mẫu nắn đúc mới có. Nếu diệt sự sống thì nghịch với cơ sanh hóa, tức nghịch lẽ thiên nhiên, nghịch với Thiên Điều. Phải làm cho sự sống càng ngày càng tăng trưởng.

Qui y Phật là hiếu với Chí Tôn tuân theo lời dạy của Ngài. Ngài dạy ta làm gì?

Ngài dạy ta tâm đường thoát tục, đoạt cơ giải thoát khỏi cõi phàm ô trọc trở về bằng ngươn linh vô tội, hữu công. Ngài buộc ta thực thi bác ái và công bình. Phải thương vạn vật từ cây cỏ, thú cầm, nhơn loại, diu dặt bạn đồng sanh lạc hậu được đoạt nhơn phẩm rồi tự giác, kể giác tha thế nào nhơn loại chỉ còn một, một nòi giống, một

quốc gia, một tôn giáo. Muốn đặng vậy không phương chi khác hơn hiển mình làm con tế vật dâng xác thịt, trí não và linh hồn cho Đại Từ Phụ tùy nghi sử dụng.

Nếu mỗi người trong chúng ta đều tích cực phục vụ thì ngày đại đồng thiên hạ ắt không xa. Ngày ấy là ngày Hội Long Hoa đó vậy.

Vậy **Qui y Phật** là phục vụ Chí Tôn

Qui y Pháp là phục vụ Phật Mẫu

Qui y Tăng là phục vụ con người.

2. CHỮ NHẪN

Nhẫn là kiên nhẫn, nhẫn nại, nghĩa là nhịn nhục, lặng lẽ. Cái điều đáng giận mà mình không giận đặng ép tam bành lục tặc của mình cho đặng bình tĩnh luôn luôn, không bao giờ để cho cái ma chướng ở ngoài nó làm cho đời đổi đặng cái thiêng liêng của mình. Thế tức là nhẫn. Nhẫn là một đức tính rất hay cho loài người. Người mà một đời thực hành được chữ nhẫn cho tròn tướng cũng là rất khó vậy. Nhứt là về phương diện đạo đức, thì chữ nhẫn lại cần hơn hết.

Đức Khổng Tử có nói rằng: “*Tiểu bất nhẫn tắc loạn đại mưu*”. Nghĩa là điều nhỏ mà không nhẫn được thì cái mưu lớn ắt phải hư thiệt vậy. Ở đời ta thường thấy những việc nhỏ bằng cái tóc, vì không nhẫn được mà rồi xảy ra những việc sóng gió tày trời, nhiều khi gây nên cái họa giết mình cũng là vì lẽ đó.

Ông Quách-Tử-Nghi nhà Đường hồi còn nhỏ đang đi học, một hôm coi sách Phật thấy câu rằng: “*Hắc phong suy châu, phiêu nhập khổ hải*”. Nghĩa là luồng gió đen thổi

chiếc thuyền trôi vào trong bể khổ. Ông không hiểu câu ấy ra sao bèn đến một vị hòa thượng cầu vấn.

Vị hòa thượng thấy hỏi vậy, thì dùng một cách thịnh nộ cùng Ông Tử-Nghi rằng: *“Mi còn con nít biết gì mà hỏi những câu đó”*.

Ông Tử-Nghi thấy hòa thượng trả lời bằng một cách rất khiếm nhã như vậy thì nổi giận hầm hầm tím mặt lại.

Lúc ấy vị hòa thượng bèn ung dung dạy lại cười mà cắt nghĩa cho ông Tử-Nghi biết rằng: *“Cái sự thịnh nộ của công tử từ nãy đến giờ tức là luồng gió đen thổi chiếc thuyền trôi vào bể khổ đó”*.

Ông Tử-Nghi bây giờ mới tỉnh ngộ ra bèn chấp tay tạ ơn hòa thượng đã dùng cách gián tiếp mà chỉ giáo cho mình.

Ôi! ở đời này biết bao nhiêu luồng gió đen thổi luẩn quẩn ở chung quanh mình chúng ta. Nếu chúng ta không hết sức lấy tấm lòng kiên nhẫn mà chống chọi thì cơ hồ cái thân chúng ta như một chiếc thuyền nhỏ kia sẽ có khi chìm đắm vào trong bể khổ mênh mông kia vậy.

Thầy Tử-Trương đi chơi xa, trước khi đi có đến từ biệt Đức Khổng-Tử và xin Ngài dạy cho một đức tốt để học trọn đời.

Đức Khổng-Tử bèn dạy rằng: *“Hết thấy các đức tính người ta duy có chữ nhẫn là hơn cả”*.

Thầy Tử-Trương hỏi: *“Tại sao phải nhẫn?”*

Đức Khổng-Tử nói: *“Làm vua mà nhẫn được thì nước không hại và mới nên việc lớn. Quan lại biết nhẫn phẩm vị mới cao thăng. Anh em biết nhẫn thì gia đình đặng phú*

quí. Vợ chồng biết nhân thì thân ái mới được trọn đời. Bầu bạn biết nhân thì danh nghĩa càng thêm cao. Tự mình biết nhân thì xa điều họa hoạn”.

Thầy Tử-Trương lại hỏi: “Nếu không nhân thì ra sao?”

Đức Khổng-Tử nói: “*Làm vua chẳng nhân thì mình phải mang họa, nhà nước phải tất nguy. Quan lại chẳng nhân thì tất bị tù tội. Anh em chẳng nhân thì tất phải chia lìa. Vợ chồng chẳng nhân thì tình nghĩa phải phai lạt. Bầu bạn chẳng nhân thì giao tình phải xa cách. Tự mình chẳng biết nhân thì họa hoạn theo liền”.*

Thầy Tử-Trương ngậm ngùi than rằng: “*Phải lắm! Phải lắm! khó thay!! Không biết nhân sao phải là người, chẳng phải người thì mới không biết nhân”.*

Đã chật giấy cạ lời, chúng ta há nỡ mơ mơ màng màng như đui, như điếc mà không tỉnh ngộ hay sao?

Chúng ta thử nghĩ lại coi: sau khi một trận giông tố, tất có ngã cây đổ nhà, sau khi một chuyến ba đào túc có ghe chìm tàu đắm, nhiều khi qua những cơn thịnh nộ của ta rồi thường hay xảy ra nhiều điều thảm khốc âu sâu tai hại, đến khi biết ăn năn thì đã muộn quá rồi. Vậy mà ở đời, có nhiều người trải biết bao lần giông tố ba đào mà vẫn không kiên nhẫn được chút nào, thiệt là đáng buồn lắm vậy.

Ngày xưa ông Trương Công Nghệ chín đời đều ở với nhau một nhà, vợ chồng con cái có tới mấy trăm người mà trọn đời tuyệt nhiên không có điều xích mích, trong gia đình bao giờ cũng êm đềm vui vẻ như khí hòa mùa xuân.

Ngày kia vua nghe tin bèn giá ngự đến tại nhà ông hỏi rằng: “*Nhà Người dùng cách gì mà trong nhà đặng vui*

vẽ thuận hòa đến thế?”

Ông Trương Công Nghệ bèn viết một chữ NHẪN thật lớn vào tấm giấy mà dâng lên cho Vua.

Vua xem rồi lấy làm kính phục liền ban cho ông một trái lê.

Vua cho Ông một trái lê thử coi ông xử sự ra sao.

Ông liền sai cắt trái lê bỏ vào trong một cái thùng lớn, đổ nước nấu sôi rồi kêu hết thầy người ở nhà đến trước mặt mà cho uống, mỗi người một muống để gọi là chung hưởng ơn Vua

Ôi! Ôi! Tấm lòng nhẩn nại của ông đáng quý biết chừng nào! đến nỗi nhà ông nuôi trăm con chó, bữa cơm ăn nếu thiếu một con thì hết thầy cả bấy đều không ăn mà đợi. Ấy sự nhẩn nại của ông kịp đến súc vật cũng nhẩn được như thế. Đời nay những kẻ không biết nhẩn mà nghe đến chuyện ông thì há chẳng hổ mình lắm sao.

Tuy nhiên ta cũng cần phải phân biệt sự nhẩn nại với sự nhát gan nhu nhược, thấy việc thì sợ chỉ chăm chăm vào cúi ra lòn, họ dè xuống đất đen cũng cam chịu; như vậy là nhục chứ chẳng phải là nhẩn.

Những người đó chỉ là nhục cho tôn giáo, đạo đức mà thôi.

Song cũng có khi kẻ bất đạo kia dùng cách vô lễ bạo hành đối đãi với ta khiến cho kẻ bàng quang phải tức giận mà ta cũng nhẩn nại được chẳng phải là có sợ gì đâu, chẳng qua là ta không chấp chi những kẻ vô đạo. Thà rằng, ta nhịn họ đi thì cái lỗi họ “*từ khắc chiêu chương*” mà đức tin ta lại càng tăng quang lên vậy.

Ngày xưa, có hai anh em người kia là bậc sang giàu, tánh tình trung hậu lại hay phước làm đoan. Vì vậy mà trong làng có một tên tàn bạo kia sanh lòng ghen ghét, thường thường tới nhà hai anh em mà kiếm điều gây lộn. Song anh em người kia chỉ lấy một chữ nhẫn mà đối đãi, tên tàn bạo lại càng tức thêm.

Một hôm nó đến tận nhà la chửi um sùm, trước còn đứng ngoài ngõ, sau vô tận trong nhà mà chửi bới thậm tệ. Anh em người kia vẫn cứ điềm nhiên như không nghe chi hết và lại chẳng tỏ ra hờn giận chút nào. Đứa bất nhân vẫn chưa phỉ tinh bèn đến phun nước miếng vào mặt người em, người em vẫn cứ ngồi im không dám cục cựa mà cũng không chạy, chỉ sẽ lấy tay vuốt mặt mà thôi.

Người anh thấy vậy bèn dạy nhỏ em rằng: *“Em cứ việc tự nhiên để cho người ta phun hễ ráo miệng thì thôi, tỷ như đồng lửa đốt giữa trời cháy hết rồi tự nhiên phải tắt. Nếu bây giờ em lau đi đang cơn người ta thịnh nộ thì người ta sẽ đánh em đau thêm nữa sao em dại vậy?”*

Từ đó người em đành chịu ngồi im để mặc cho tên kia tha hồ phun nhổ không dám dờ tay lau mặt nữa. Sau khi tên kia phun hết nước miếng khô miệng rồi nghĩ lại biết ăn năn tự hối liền quì lại và xin tha tội. Song anh em người kia chẳng những không thán oán gì mà lại chào hỏi một cách ôn hòa hơn nữa.

Ấy cổ nhân còn nhấn nạy đến thế, huống chi chúng ta ngày nay là người nhiệt tâm đạo đức thì há lại không nên lấy tích nầy làm một gương sáng hay sao?

Sách có câu rằng: Bách nhẫn đường trung hữu thái hòa. Nghĩa là nếu hằng ngày trăm điều nhẫn được cả thì

trong nhà được hòa thuận vô cùng.

Ôi! ở vào cái thời đại tranh đua này, thực hành được chữ nhẫn tưởng không phải là dễ nhưng cũng chẳng phải là không thể được, miễn là có tâm thì dầu khó đến đâu cũngặng. Hễ ta nhẫn được thì chẳng những tâm tâm đặng khoai lạc thảnh thơi mà muôn việc đều đặng thuận hòa êm thấm hoàn toàn cả.

Ông Hàn Tín trong lúc phong trần chịu lòn tròn nơi giữa chợ, ai cũng bảo là nhất gan, nào hay anh hùng ẩn nhẫn mà sau này lãnh ấn Tể Vương.

Ông Ngũ Viên đang cơn hoạn nạn cũng đành thối tiêu ăn xin, chúng khinh khi là hèn mạt, nào ai hay “*chí sĩ tu tàng*” mà phút bỗng quyền cao Ngô Tướng.

Ôi! quý hóa thay chữ nhẫn, vinh diệu thay chữ nhẫn, ta há chẳng nên trọn đời mình học hay sao.

Nay chúng ta nhờ ơn Đức Chí Tôn hoàng khai đại đạo, buổi ban sơ khởi đầu này chẳng khởi có nhiều điều trở ngại khó khăn. Vậy ta cần nên thực hành cái công phu từ nhẫn nại trước, rồi sau này ta sẽ cùng nhau dìu dắt lên nền Cao Đài Đạo Đức vậy.

*Chữ nhẫn ví tợ thoi vàng,
Ai mà nhẫn được, ấy vàng Trời cho.*

(Trích trong Ngũ Đức Lương Châm của Đức Hộ Pháp)

3. THÁNH GIÁO PHẬT MẪU

Đàn cơ tại Báo Ân Từ, đêm 15-8-Kỷ Sửu (dl 6-10-1949). Phò loan: Phạm Hộ Pháp - Cao Tiếp Đạo.

DIÊU TRÌ KIM MẪU

Chào các con Nam Nữ.

Mụ lấy làm thậm cảm thành tâm của các con đơai tưởng đến Mụ. Mỗi phen gần gũi là mỗi phen làm cho Mụ phải nhớ đến oan nghiệt kiếp sanh của mỗi đứa. Thế thời vẫn đương cơn náo loạn, Mụ hoài tưởng đến công quả của chủng tộc các con thì buộc phải nhìn rằng mặt công bình thiêng liêng không sai sót. Thử xem lại trong khoảng 200 năm trước, thì tấn tuồng đời của mấy con vẫn y hệt như ngày nay không khác: Vay vay trả trả, chẳng mất mảy nào.

Tây Sơn cũng Nguyễn, mà Nguyễn cũng Tây Sơn. Khi Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo thì Người đã tìm phương giải kết, buộc các con hành Đạo phết đời. Thử hỏi các con có từng pháp y lời Minh Thệ của các con chẳng? Lấy thanh tâm đoán xét thì phép Ngũ Lô đã đúng Thiên điều. Mụ lấy làm xốn xang áo não khi rước mấy đứa qui hồi với trần trẻ giọt lụy, vì chúng đã tạo nghiệt chớ không đoạt quả chút nào hết. Cái đau thảm ly tình của các con nó làm cho nao nư lòng Mụ.

Các con Nữ phái,

Nếu Mụ than rằng, cái họa tương tàn chủng tộc của các con là do bởi lỗi tu của các con là sự thật. Đại Từ Phụ của các con yêu ái các con bao nhiêu thì vì cái khổ của các con mà đổ lụy bấy nhiêu.

Các con là nguồn sống của đời mà các con lại tạo ra cái chết thì lẽ dĩ nhiên các con phải thất đạo. Các con lỗi cùng Đại Từ Phụ của các con, chớ Người chưa hề lỗi hện. Điều ấy Mụ làm chứng chắc.

Cứu vãn tình thế nước nhà nguy hiểm của các con

là do nơi tay của các con. Xin nhớ mà cố gắng chuộc tội.
Mụ ban ơn lành cho toàn thể các con Nam Nữ.

THẮNG

*Từ Mẩu nghe qua bắt động lòng,
Tình thương vô tận đứng ngồi trông.
Sớm chiều dựa cửa chờ tin nhận,
Ngày tháng nương hiên đợi bóng hồng.
Lắm lúc ngậm ngùi bày trẻ dại,
Đòi phen nhắc nhở đám con Rông.
Mụ già thốn thức đà an dạ,
Đồ lụy vì đâu, vắng ấm bông.
Ấm bông nhớ bấy con vắng dạng,
Ngồi nhẩn trông tin nhận mỗi mòn.
Sớm chiều dựa cửa trông con,
Chẳng hay con trẻ vương tròn phận chưa?
Buồn than thở khi trưa lúc tối,
Quặn chín chiều ruột rời vò tơ.
Công danh lòng trẻ đợi chờ,
E khi mất tục hẳn hờ nhà huyền.
Nay Chí Tôn rộng quyền ân xá,
Ấc phen này Mẹ đã gặp con.
Bồi hồi cách trở nước con,
Bao nhiêu miếng ngọt, miếng ngon Mẹ để dành.*

4. MẮT CHIÊN

Trong Tân Ước trang 23, Đức Chúa Jesus có nói:
“Nếu người nào có 100 con chiên, một con bị lạc

mất thì há chẳng để 99 con lại trên núi mà kiếm con đã lạc mất sao? Quả thật ta nói cùng các người, nếu người kiếm lại được thì lấy làm vui mừng về con đó hơn 99 con không lạc.

“Cũng thế ấy, Cha các người trên Trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư mất.”

Suy gẫm câu Kinh Thánh trên đây, chúng ta Tín Hữu Cao Đài nên lấy đó làm bài học để luận Đạo, nhưt là cơ quan Phổ Tế có phận sự độ rỗi và nhắc nhở những kẻ lạc bước thối tâm trở về đại gia đình của Từ Phụ.

Nếu chúng ta cho rằng chỉ có kẻ có sở cầu Đạo mới là đồng môn đồng thuyền thì nghĩa lý cũng còn hạn hẹp trong tôn giáo mình. Ta phải hiểu rộng ra hơn nữa: Đức Chúa Jesus muốn nói mất chiền là mất những kẻ đi ra khỏi đại đồng nhưn loại, những kẻ xa lìa Đạo đức, mền cuộc truy hoan, lấy duy vật làm chuẩn đích đời sống, bỏ tinh thần tín ngưỡng nơi Đấng Cha Trời. Mục đích lập Đạo là tìm những kẻ lạc loài ấy để đem về đường ngay nẻo chánh, chớ chẳng phải chỉ độ rỗi những kẻ hiền lương Đạo đức mà thôi.

Thánh Ngôn Thầy có nói:

“Trời Nam nay dựng một yển sáng của Đấng đại từ đại bi dẫn khách trần bước lẩn ra con đường hắc ám để tránh khỏi bến mê; dụng nàu sông, chế cân đai, mượn khổ tâm thay chung đỉnh, lấy hạnh đức làm nấc thang bước tột lừng trời vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên nhiên, biết rõ cơ mầu nhiệm mà làm khách u nhân thanh thảo, núi thắm rừng xanh, phủ hết muôn sự ở cõi trần vô vị này.

“Ấy là một sự khó thi hành của khách phàm tục, mấy

ai nông nả phải đến cảnh Thiêng Liêng mà nhiều kẻ lại tìm vào vực thẳm.

“Đạo Trời qua bốn tục, đường Thánh dẫn khách trần nếu chẳng biết thế thời, giọt nước nhành dương hết chờ khi rưới khổ đặng.”

5. GIỎ HOA LAM

Giỏ Hoa Lam là một bửu pháp của các vị Tiên cầm. Công dụng của nó là để đựng thuốc hoặc đựng hoa.

Chữ lam thuộc màu xanh; màu xanh ở hướng đông thuộc mộc, tượng trưng sự thanh bình.

Chúng ta để ý trong Bát Tiên, Ông Hàn Tương Tử cầm giỏ hoa lam. Trước Đền Thánh, trên Lôi Âm Cổ Đài, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh cũng cầm giỏ hoa lam. Ở Báo Ân Từ, Bà Bát Nương Diêu Trì Cung cũng cầm giỏ hoa lam. Ở cái giáp bộ Đại Phục của Đức Hộ Pháp có thêu giỏ hoa lam trước bụng.

Cái giỏ ấy không phải một cái giỏ tre thường như ta thấy mà nó dát bằng tử khí, nó có diệu phép thâm các bửu pháp khác. Còn hoa đựng trong giỏ là tượng trưng các chơn linh của các nguyên nhân.

Ấy vậy giỏ hoa lam được các Đấng xách trên tay là để đem các nguyên căn về cùng Chí Tôn và Phật Mẫu.

Đấng nào xách nó là Đấng ấy có nhiệm vụ dẫn các chơn hồn đọa lạc ở cõi trần đem về trình Đại Từ Phụ.

Ông Hàn Tương Tử trong lúc hóa hải đã quản giỏ hoa lam xuống bể làm chiếc thuyền mà đi trên mặt nước một cách mầu nhiệm.

Câu kinh:

*“Vườn Ngạn Uyển sanh hoa đã héo,
“Mãnh hình hài phải chịu rã tan...”*

Giải rằng: Nơi Cung Diêu Trì có một vườn hoa tên Ngạn Uyển, khi hoa héo là có một người bỏ xác để trở về cùng Mẹ.

LUẬN VỀ MẶT ĐẠO ĐỨC TINH THẦN

Mỗi năm đến rằm tháng 8, bên trong Báo Ân Từ đều có treo ở căn giữa, căn tả và căn hữu, mỗi căn một giỏ hoa lam mới thay cho 3 giỏ cũ đã phai màu. Còn con cái của Phật Mẫu, các bà nữ công khéo léo tạo giỏ hoa lam bằng loại bánh có bắt bông màu rất xinh đẹp.

Sự nắn bánh hình giống giỏ hoa lam có ý nghĩa rất sâu sắc, nói lên cái bí pháp đạo Đạo của kẻ tu hành.

Đường, bột, trứng phải đánh cho đúng mức, nhồi bột cho vừa mới nắn được hình dáng giống các giỏ hoa; kế phải để lửa riu riu mà hấp sao cho vừa lửa, không sống bột cũng không khét bánh. Cân lượng bột, đường, trứng phải đúng tỉ lệ thì bánh mới tốt được. Sau rớt bắt màu sắt thích hợp mới hoàng tất một giỏ hoa lam nhân tạo.

Như vậy kẻ tu hành mà muốn đạo Đạo cũng giống như cách hấp bánh để làm giỏ hoa lam. Phải lập đức, lập công, lập ngôn để làm thể pháp và nếu đủ tam lập, khi thoát xác nhờ phép độ thăng, kinh cữu cữu, tiểu tường, đại tường v.v...nên chơn hồn được nhẹ nhàn siêu thoát mà trở về quê xưa cảnh cũ là Bạch Ngọc Kinh đó vậy. Nhờ huyền vi mẫu nhiệm của Đạo giáo tức là bí pháp mà biết bao tín hữu Cao Đài được đắc quả, hằng giảng cơ khuyến

khích bạn Đạo ở thế ráng tu hành.

LUẬN VỀ MẶT CHÁNH TRỊ

Phương pháp làm giỏ hoa lam bằng bột phải đủ yếu tố bột, đường, trứng thì phương pháp trị thế cũng đủ yếu tố đất đai, dân tộc, lịch sử, văn hóa v.v... người điều khiển con thuyền quốc gia phải trải tình thương dân như con đò, mới lo cho dân chúng ăn no, mặc ấm, nhà ở, đi đứng, học hành. Phải hóa dân trí tiến tới trình độ cao cả, không thua một dân tộc nào trên thế giới.

Về kinh tế, xã hội, văn hóa, thương mại, quốc phòng, hành chánh v.v... phải vận dụng nhân lực, tài lực, làm thế nào dân được ấm no hạnh phúc.

Cái đích của Thánh Tiên xách giỏ hoa lam là đem chơn hồn các nguyên nhơn về trình với Thượng Đế hầu họ được thung dung tự tại nơi cảnh Niết Bàn Cực Lạc. Còn cái đích của người lãnh Đạo quần chúng cũng phải nhắm vào sự sống tự do thoải mái, ấm no hạnh phúc cho toàn dân. Nếu nắm yếu tố vật chất được mà thiếu tinh thần phục vụ, thiếu khả năng điều khiển, thiếu hạnh đức từ hòa thì cũng như cái bánh kia bị sống sượng hay bị khét đắng ăn không vừa miệng. Lãnh Đạo mà đem dân chúng đến chỗ cùng khổ, mất tự do, đói rét thì họa mất nước sẽ phô diễn trước mắt.

Để kết luận xin mượn bài thài tế Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh như sau:

*Đầy giỏ hoa lam chất ái tình,
Y theo luật định của khuôn linh.
Thử căn linh thể theo phạm tục,*

*Môi hưởng hồng ân chốn ngọc bình.
Nam Hải là bờ ao Thất Bửu,
Tây Ninh nẩy Tổ Hóa Tam Thanh.
Thuyền từ trở lại là sông bể,
Nhớ bạn trông mây gọi tắt thành.*

6. GIẢI NGHĨA LÁ CỜ ĐẠO CAO ĐÀI

Thường ngày sóc vọng và ngày vía, trước Tòa Thánh hay các Thánh Thất đều có treo cây cờ ba màu vàng xanh đỏ có thêu chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có hình Thiên Nhân và cổ pháp Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Du. Cờ ấy nghĩa là thế nào, xin sao lục lời giải của cổ Chánh Phối Sư Thượng Sáng Thanh trình lên Đức Hộ Pháp (lối năm 1949):

“Tôn giáo Cao Đài là tượng trưng Tam Giáo. Đạo Cao Đài là một nền chánh tông chơn giáo của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế khai sáng tại nước Việt Nam, qui cả ba tôn giáo lớn nhất Á Đông: Phật giáo, Tiên giáo, Khổng giáo và dung hợp cả tinh thần cao siêu của nhơn loại để làm tiêu chuẩn cho tâm lý nhơn sanh, truyền nhơn nghĩa làm phương cứu khổ, dung hòa định phép hóa dân, bởi thế lá cờ Đạo có 3 sắc phái và 3 thể cổ pháp, tượng thế Tam Thánh xuất thế.

- Thái Thanh sắc vàng phái Phật, cổ pháp Bình Bát Du.*
- Thượng Thanh sắc xanh phái Tiên, cổ pháp Phất Chủ.*
- Ngọc Thanh sắc đỏ phái Thánh, cổ pháp Bộ Xuân Thu.*

Phật Giáo dùng Bình Bát Du trì bình khất thực, dùng của bố thí để tạo duyên lành, hưởng thiện nghiệp cho nhơn sanh trong thời kỳ lập giáo, truyền bá tinh thần bác ái vị tha.

Tiên Giáo dùng Phất Chủ tức là chổi Tiên. Thánh

giáo có câu:

*Dụng chổi Tiên quét sạch bụi trần,
Định Huệ tánh lập thành chơn pháp.
Khử phàm tánh đem về Thiên tánh,*

Hợp với yếu pháp Tiên Môn.

Nho Giáo bảo trọng Xuân Thu để làm cương kỷ cho các vị Đế Vương trị Đạo, định rõ chánh tà, biết phân thiện ác, lập pháp tu thân xử thế cho các phẩm nhưn sanh, ấy là phép Nho gia trị thế.

Ba cổ pháp là hình ảnh của Thế Pháp và Bí Pháp của Đạo Cao Đài tạo thành một chánh giáo độ tận vạn linh trên đường nhập thế và xuất thế trong buổi Tam giáo qui tông, hạ nguồn tái tạo. Thêm Thiên Nhã ngữ ưu trung tức là Thiên Khai Huỳnh Đạo.

Đức Hộ Pháp phê phía dưới:

“Giải trủng rồi đó”

Ký tên đóng dấu

Phạm Công Tắc

Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

(Tài liệu do ông Phối Sư Ngọc Đại Thanh tặng năm 1982)

7. HỒNG CHUNG BỬU KỆ

Sau đây là một tài liệu quý giá giải thích bí pháp của Cao Đài Giáo có mục đích gì khi vọng chuông U Minh. Hồng Chung là chuông Trời, như hồng ân là ơn Trời, Bửu Kệ là bài kệ quý giá để cầu nguyện cho quốc thời dân an,

thái bình thiên hạ.

Tất cả có 33 câu kệ giải rõ tôn chỉ của nền tôn giáo của Đức Chí Tôn.

1.– **Bạch Ngọc Thần Chung, Huỳnh Kim bửu kê cao âm:** Kinh Bạch Ngọc chuông Thần đến gõ động, cửa Huỳnh Kim kệ báo trời tiếng cao.

2.– **Thượng trực hoàn cầu, hạ thông địa phủ:** Trên rúng động khắp hoàn cầu, dưới thông đều miền Địa Phủ.

3.– **Thượng chúc Tam Kỳ hoàng khai Đại Đạo:** Ước cầu chúc Đạo Tam Kỳ hoàng hóa mở mang nền Đạo lớn.

4.– **Càn khôn đại thống phổ cập ngũ Châu:** Càn khôn thế giới vũ trụ lớn lao, Đạo khai thông nhứt cả 5 châu.

5.– **Ân đức hóa thân cao thẳng Đạo vị:** Cầu chúc nền Đạo ân đức hóa rộng xa, nền Đạo cao thâm vô tận.

6.– **Tam giải tứ sanh cho nội các miễn luân hồi:** Nơi trong tam thế: tiền thế, hiện thế và hậu thế; tứ sanh là: thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, noãn sanh, cầu chúc cho các loài ấy đều được khai cơ chuyển kiếp, thoát đọa luân hồi.

7.– **Cửu U thập loại chi trung thoát ly khổ hải:** Cầu chúc cho trong 9 cõi u minh giới là nhứt điện, nhị điện, tam điện, tứ điện, ngũ điện, lục điện, thất điện, bát điện, cửu điện; thập loại là 10 loại cô hồn là: Trận bại, thương vong, tự vận, tự ải, tự tử, độc dưng, hỏa thiêu, xà thương, hổ giảo, trầm nịch, cầu cho các hồn ấy đều được lìa xa dòng khổ hải.

8.– **Ngũ phong thập vũ, miêu tả cơ cấu chi niên:** Gió tháng 5 tuyết lập hạ gọi là gió khai phong, gió ấy làm

cảm động vạn vật nứt nhánh trở chồi, khai hoa kết quả.

Thập vô là mưa tháng 10 tuyết lập đông, tuyết ấy là Thiên Địa điều hòa, âm dương cân đối, hóa sanh vạn vật, hòa cốc phong đông, nên chúng sanh nhờ đó khỏi gặp nhằm nửa năm hạt gạo thiếu rau.

9.- **Nam mỗ đông giao cựu triêm Nghiêu Thuấn chi nhứt:** Điền mỗ phía Nam, giao giữa phía Đông, nhưn loại hòa cốc, phong đặng làm bờ cõi, chúc thế giới hòa bình, chúng sanh đến được nhuần gội những ngày trời Nghiêu đất Thuấn.

10.- **Can qua vỉnh túc, giáp mã hựu chinh:** Cầu chúc cho quốc thối dân an, can qua binh khí từ đây ngưng nghỉ giáp mã quân nhu bãi việc chiến chinh.

Khi vua Võ Vương phạt Trụ rồi thì Ngài biết tự động trở về, sau không có việc chiến tranh nữa, nên binh khí can qua cất vào kho phủ, ngựa chiến mã giải phóng ra nội đào lẫm.

11.- **Trận bại thương vong cụ sinh tịnh độ:** Cầu nguyện cho kẻ bị trận mà chết, trúng thương mà bỏ mình, các hồn ấy đều được siêu thăng về miền thượng giới.

12.- **Phi cầm tẩu thú, la vãng bất phùng:** Cầu nguyện cho giống biết bay trên không, loại biết chạy dưới đất, 4 phương 8 hướng, lưới giăng bẫy rập đều tránh khỏi chẳng hề vướng.

13.- **Lãng tử cô thương, tảo hườn hương tịnh:** Cầu nguyện cho kẻ lưu linh trong bốn biển, người mồ côi giữ 5 hồ sớm được trở về xóm cũ làng xưa thăm viếng.

14.- **Vô biên thế giới, thiên cửu địa trường:** Toàn

cả thế giới, như loại chung hưởng cuộc thái bình bên vũng như Trời, khắp hết chúng sanh nhờ buổi an cư lâu dài như đất.

15.– **Viễn cận đàn na tăng duyên phước thọ:** Xa gần các bậc chí chủ, chần bản lớn nhỏ, những người đồng na hóa thiện, thêm dài hưởng nhiều điều hạnh phúc và được sống lâu.

16.– **Thánh toà trên tịnh, Đạo pháp trường lưu:** Tòa Thánh là tòa thiên các của Chí Tôn trên tịnh để vô an bá tánh. Tịnh như loại Đạo pháp quảng thi muôn kiếp ngàn đời phát khởi chấn hưng.

17.– **Thổ Địa Long Thần an tăng Hộ Pháp:** Các Đấng Long Thần, các vị Thổ Địa, trợ thế an dân, giúp ích xét xem luật pháp.

18.– **Phụ mẫu sư trưởng, lục thân quyền thuộc:** Hàng Phụ Mẫu, các bậc Sư Trưởng, lục thân là cha, mẹ, anh, em, vợ, con, quyền thuộc là chú, cô, bác, cháu xa vời.

19.– **Lịch đại tiêu vong đồng đẳng Bỉ Ngạn:** Các bậc tiểu vãng, thất tổ lưu truyền đồng lên bờ Bỉ Ngạn.

20.– Nam Mô Vô cực không sanh Cao Đài Thượng Đế Bồ Tát Ma Ha Tát.

21.– Nam Mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

22.– Nam Mô Tam Tông Chơn Giáo, Thiên Bá Úc Hoá Thân Thích Ca Mâu Ni Phật.

23.– Nam Mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

24.– Nam Mô Văn Tuyên Thánh Vương Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thánh Thế Thiên Tôn.

25.– Nam Mô Tam Trấn Oai Nghiêm, Lý Đại Tiên Trưởng Kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

26.– Nam Mô Nam Hải Ngạn Thượng Quan Âm Như Lai Từ Hóa Phổ Độ Thiên Tôn.

27.– Nam Mô Cái Thiên Cổ Phật Vô Lượng Độ Nhơn Chiếu Minh Đại Hồn Thiên Tôn.

28.– Nam Mô Gia Tô Giáo Chủ khoan hồng dẫn độ từ bi cứu thế Thiên Tôn.

29.– Nam Mô Thái Công Tướng Phụ Từ Bi Quán Pháp Thiên Tôn.

30.– Nam Mô Sơ Hội Long Hoa Thanh Dương Đại Hội Nhiên Đăng Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

31.– Nam Mô Nhị Hội Long Hoa Hồng Dương Đại Hội Di Đà Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

32.– Nam Mô Tam Hội Long Hoa Bạch Dương Đại Hội Di Lạc Cổ Phật Chưởng Giáo Thiên Tôn.

33.– Nam Mô Liệt Thánh Đàn Tràng Hòa Nam Khế Thủ.

(Tài liệu do ông Phối Sư Ngọc Đại Thanh, Thượng Thống Lại Viện tặng)

8. LỮ ĐỒNG TÂN BÁN DẦU

Lữ Đồng Tân đến Nhạc Dương giả kẻ bán dầu ở một năm dư không thấy người nào mua dầu mà chẳng nài thêm thắc.

Ngày kia có bà nọ đem một trứng vịt mà đổi dầu, chẳng hề thêm bớt. Lữ Đồng Tân hỏi: “*Sao Bà không xin thêm?*”

Bà nói: “*Tôi nghi chỉ có một trứng vịt chả là bao nhiêu, người đã mất công đóng dấu còn nài thêm làm chi nữa*”.

Lữ Đồng Tân thấy Bà không tham trong lòng muốn độ. Bà ấy lại đem rượu đãi đằng.

Lữ Đồng Tân quăng một ít hột nếp xuống giếng và dặn rằng: “*Bà bán nơi cái giếng này cũng đủ làm giàu lớn*”.

Bà hỏi: “*vi có nào?*”

Lữ Đồng Tân làm thỉnh gánh dầu đi thẳng.

Bà coi lại nước giếng hóa rượu ngon, bán hơn một năm là giàu lớn.

Sau Lữ Đồng Tân ghé lại, bà ấy đi khỏi, Lữ Đồng Tân bèn hỏi người con: “*Bán rượu khá không?*”

– Dạ khá, ngặt không có hèm cho heo ăn.

Ngài than rằng: “*Thiệt lòng tham chẳng cùn, có chừng nào muốn tham chừng ấy*.” Nói rồi lấy nếp dưới giếng mà đi.

Bà ấy về thấy rượu hóa nước, người con gái thuật lại tự sự, bà đến lều ông bán dầu thấy lều không, lại có dán bài thơ liền gỡ về đem mượn người đọc:

*Tay cấp gươm linh đạo cõi trần,
Nhạc Dương qua lại đã ba lần.
Bán dầu năm lụn không ai biết,
Tìm Động Đình Hồ độ kẻ nhân.*

(Trích trang số 48 Đông Du Bát Tiên)

9. PHẢI KHỔ HẠNH MỚI ĐOẠT ĐẠO

Đàn cơ đêm 28 tháng 10 Canh Dần (1950)

Phò Loan

Cao Tiếp Đạo

G.S.Thái Đển Thanh

THỦ KHOA HUÂN

THỦ phân tùy duyên đặng thấy đời,
KHOA kỳ rộng mở khắp nơi nơi.
QUÁN binh chuyển động tranh hơn thiệt,
THI đức thi nhân mới thắng đời.

Bản Tăng chào chư Thiên Mạng cùng các bạn ái quốc
ưu dân.

Luận đàm việc Đạo thì cao rộng bao la, không có bức
nào tự xưng là thấu đáo cùng chơn lý. Đại khái một điều,
những hạng tu hành muốn chiếm được phẩm cao thăng
Thiên vị thì chỉ có chịu khổ hạnh được nhiều mới ra mặt
anh hùng của Đạo. Nên người tu mà thọ khổ là nét chạm
trở thêm xinh. Còn việc đời muốn ra mặt tướng thì phải
cầm cương lên ngựa, đoạt lũy thâu thành, dựng nền cơ đồ sự
nghiệp tạo hạnh phúc cho giống nòi chung hưởng mới được
nêu danh trong quốc sử, để tên tuổi lại muôn đời.

Chẳng có một ai ngồi không mà được trọng, phong
miếu thờ bốn mùa quý tể, mà cũng chưa thấy một bức nhà
tu nào không chịu khổ hạnh mà đạt Đạo.

Một điều ví dụ chư Thiên Mạng đều rõ chơn lý, vậy
các bạn cũng không nên phàn nàn việc chi là khổ cả, những
kẻ tự làm khổ cho người thì kết cuộc cũng chẳng tránh qua
luật Thiên Điều định phạt tội ác. Nói rộng hơn nữa là
những dân tộc nào ý mình cường quốc xâm chiếm các nước
nhược tiểu, khổ khắc áp bức người, rồi kết cuộc cũng không
ra ngoài quyền Chí Tôn xử định.

*Buổi hạ nguơn nầy sự thường phật phân minh cho rồi
kiếp trả vay oan nghiệt.*

*Chư vị gọi là Thiên Mạng thì mỗi việc đều có quyền
tối đại sắp đặt trước, không một điều chi mơ hồ, chỉ có thật
hành với phận sự cho được vẹn toàn, rồi để mặt xem đời đời
thay theo nguyện vọng của chư vị ước mong từ thuở.*

Bần Tăng không phép nói nhiều.

Xin chào Chư Vị

THẮNG

10. GIÁC MÊ CHÚNG SANH QUI BỔN THIỆN-CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Bần Đạo nói thoát tục đây, chẳng phải như chề đời mà ẩn dật hay là luyện bí pháp đặng lánh trần, hoặc lên đầu non đặng hú gió kêu mưa, xuống vực thăm đặng hô phong hoá võ, hoặc là ngồi lim dim lần chuỗi ngủ thim thiếp tưởng kinh, hoặc là đóng cửa tụng huỳnh đình hay hớp gió khuya dòm dõi rún. Cả mộng pháp ấy đã lưu lại làm trò cười già dối đóng thành tuồng thành sách mê tín dầy dẩy vẫn không cùn luận.

Bần Đạo nói thoát đây là khuyên lấy lương tâm làm chủ, giữ bổn thiện cho bản, dầu xác phàm có để tuổi cùng tên, nên tên tuổi chẳng quên lẽ phải.

Thắng nổi quyền vật dục,

Xứng đáng phận khách trần.

Gánh đau thương tay đỡ tay nâng,

Khối thiện ác sửa căn tạo hóa.

Giữa khổ hải đưa thuyền Bát Nhã,

Giúp tinh thần giải quả trừ căn.

*Sấn tay trau đẹp về Đạo hàng,
Lượn giản bớt nẻo trần gai góc.
Đem cười để vào nơi cảnh khóc,
Lấy lòng lành trừ nọc đau thương.
Chốn lấm than rãi nước nhàn dương,
Dứt trái chủ trao gương Thần huệ.
Chịu khổ thể tìm phương giác thế,
Lấy nhục đời làm kế dẫu đời.
Biến lợi danh ra cuộc trò chơi,
Làm phú quý thành môi hại thế.
Sửa bác ái ra nên câu kệ,
Chế từ bi như thể bài kinh.
Noi vận hành quang đại chí linh,
Góp nơn loại vào tình cốt nhục.
Kẻ sâu thăm cho vui hạnh phúc,
Người vô duyên hưởng chút ân hồng.
Trong mạng sanh gây phép đại đồng,
Kính vật loại đặng mong cứu thế.*

Trong hoàn cầu bất cứ dân tộc nào, những vĩ nhân lưu danh hậu thế nhờ tự giác nên thức bốn thiện là tu luyện trao đổi lấy điểm lương tâm trở nên minh mẫn sáng suốt hầu nương theo mà thực hành nhiều cơ sở phi phạm, làm cho thiên hạ phải nhìn rằng những Đấng ấy là hạng người khác tục.

Phi phạm là hành vi khác hẳn với thể tình mất đức ít ai thường thấy. Tâm thiện của các Ngài dù dặt hay khuyên đặng biết người biết mình, xem đời định thế. Lòng lãn truất thương sanh dầy dầy, hiểu đặng cái khổ của mình nên không hay ngồi xem cái khổ của người. Đã

chán chịu đau khổ của mình nên không nỡ làm đau đớn kẻ khác. Nắm đủ mùi sâu thắm nên hằng mong gỡ thắm giải sâu, ở chung đời đặng chia khổ với đời lẫn theo thể mới chung thân cùng thế.

*Lịch lãm những màu thế sự,
Vây vơ thân cho đáng phận con người.
Cản oan gia nhắc đúng mực về bao mươi,
Thế mới biết thương đời là cứu khổ.*

Câu thành ngữ làm phép hằng tâm của các Đấng ấy cư xử cùng đời là “*kỷ sở bất dục vật thi ưu nhân*”.

Căn nguyên bốn thiện đều sẵn trong tánh đức của mỗi người, dĩ chí hiển ngu trí cũng từng quyền của điểm lương tâm, bằng chẳng vậy thế không thành thế.

Pháp luật cả thế gian để trị loài người, dầu cao thấp hay dở thế nào cũng để thúc điểm lương tâm qui bốn thiện. Nhỏ thì ở nơi cá nhân, trọng thì ở nơi xã hội, lớn thì khắp hoàn cầu, phép chánh trị là ép nhơn sanh từng bốn thiện.

Kẻ còn lương tâm mới biết phận sự của kiếp sống để làm gì, còn bỏ thiện mới hiểu “*yêu nhân kính vật*”. Bằng chẳng vậy thì những phương pháp tư bảo kỳ thân đã trở nên độc thiện. Ai cũng lo tự do tư lập, còn nói chi vĩnh bảo xã hội loài người, con người tàn hại lẫn nhau, vì sanh hoạt mà lại gây tự diệt.

*Hễ nợ đời càng khó,
Quyền vật dục lại càng nhiều,
Phận làm người đã khó biết bao nhiêu,
Giữa vũ trụ phải chiều theo thời thế.
Nợ cơm áo sanh lời ra tẻ,
Đạo nhơn luân thậm thế dục hư.*

Mảnh thi phạm đã dễ chi từ,
 Trong cuộc thể thân như bèo bọt.
 Dở thì chịu ăn thừa uống mót,
 Phải toan lo sống sót cùng đời;
 Một mảnh tâm chưa dễ mấy nơi,
 Đâu chỉ rảnh hỏi Trời can sống.
 Luật tạo hóa rõ chi khinh trọng,
 Những gởi thân theo bóng tan thương.
 Cùng khổ xem chết sống ra thường,
 Sống nhờ thế, chết nương tay thế.
 Giải ách cây kim tiên làm kẻ,
 Thích tính xem khanh tế là mưu.
 Bước công danh quen lẽ nghịch thù,
 Bả quyền lộc nhuộm màu cừu hận.
 Vòng cương tỏa vào ra lẫn bản,
 Lấy oan gia làm phẩn đối mình.
 Tên tuổi đầy nhục nhục vinh vinh,
 Nào còn nhớ tâm linh bốn thiện.

Tuy là tâm lý hằng bị quyền hành vật dụng dè nén con người nhiều lúc quên mình, nhưng hột giống Thiêng Liêng bốn thiện đã đâm vào trí thức tinh thần, dầu bị ngọn lửa lòng hãm áp nên sớm không nảy nở ra mầm, nếu hứng đặng giọt mưa lành hay là khổ thủy tưới lửa lòng tắc ngọn, ắc tự nhiên phát mộng nảy chồi, rồi thỉnh thoảng cứ lần lần nên tàn cao cội cả che phủ trọn chúng sanh mới gọi rằng: “Đoạt Đạo”.

11. ĐỨC LỚN

Trong một lớp huấn luyện cho Luật Sự tương lai năm

1947, ông Thừa Sử Phạm Ngọc Trấn có hỏi học viên: Mấy em có biết cái “Đức” xuất phát ở đâu không?

– Kẻ thì trả lời ở hành động làm lành lánh dữ, người nói ở tánh thuần lương; kẻ thì nói ở sự bố thí, có người nói ở sự chay lạp, cúng kiến, làm công quả hằng ngày...

Ông cho là đúng mà không trọn, rồi ông giải luôn:

“Cái Đức xuất phát từ cái miệng”

Người ta nói: Anh kia ăn nói thất đức thì có phải cái đức ở cửa miệng không? Thánh Ngôn Chí Tôn có dạy:

“Nho nhã con tua tập tánh tình,

“Dưới đời đừng tưởng một mình lành.

“Một câu thất đức thiên niên họa,

“Nhiều nỗi trăm luân bởi ngọn ngành.”

Nhưng Nho Giáo lại nói: *“Chứa vàng để cho con cháu, chứa chắc con cháu hưởng được, chứa sách để cho con cháu, chứa chắc con cháu chịu đọc, chỉ chứa đức cho chúng nó là phương pháp hay hưởng được lâu dài.”*

Ông Khương Văn Hoán luận về sử Tàu trải qua từ đời vua Nghiêu, cổ nhân chỉ chọn đức mà nói nghiệp Đế:

“Xưa vua Nghiêu có con trai là Đôn Châu, kém đức, ít hơn nên nhường ngôi cho vua Thuấn.

“Vua Thuấn sanh con là Thượng Quân cũng không đức hạnh bao nhiêu, nên nhường ngôi cho vua Hạ Võ.

“Sau Hạ Võ sanh con là Khai hiển đức nên truyền ngôi nối dòng được 17 đời.

“Đến vua Kiệt vô Đạo thất chánh, vua Thành Than lấy hơn đức mà đuổi vua Kiệt qua Nam Sào gây dựng nhà Thương rồi truyền đến Trụ.

“Bởi Trụ thất chánh mười phân nên Trời khiến về tay Võ Vương.”

Xem thế cổ nhân rất trọng đức và kỵ điều thất đức nên đức rất cần cho bậc cầm quyền chấn dân.

Đức Hộ Pháp lập nhà tịnh Trí Huệ Cung để cho nhơn sanh luyện Đạo, Ngài ra điều kiện: *“Nhơn hữu tam lập tất đắc nhập Trí Huệ Cung”* nghĩa là người nào có đủ Công, Đức, Ngón mới được vào Trí Huệ Cung mà luyện Đạo.

Vậy yếu tố *“Đức”* rất cần thiết cho cá nhân bình dân để được người thế tôn sùng. Càng thiết yếu hơn, đối với những vị lãnh Đạo quần chúng, có nó thì bền dai, thiếu nó thì sớm tuyệt. Riêng bậc tu hành, nó lại là một điều kiện nòng cốt để lập vị mình ở cõi thế và nó là một bửu pháp tối cần để bước lên nấc thang Thiêng Liêng đoạt phẩm Thần Thánh Tiên Phật. Không có một vị Tiên Phật nào mà thiếu đức hay thất đức mà được ngồi trên tòa sen của mình, nên Thánh Giáo có câu:

“Ngọc Hư toàn ngụ Đấng tinh anh”

Đức Chí Tôn có dạy:

“Đức cao thì mới đáng nên người,

“Đức thẳng tài kia đã mấy mươi.

“Có đức có tài giếng Đạo trong,

“Không tài không đức hóa không thời.”

Trong một bài khác Ngài dạy:

“Trữ đức còn hơn muốn trữ vàng,

“Giàu sang chẳng chuộc gánh giang san.

“Thế đời càng dữ càng kiên đức,

“Vũ lực hùng oai cũng chẳng màng.

Đức Hộ Pháp dạy cách lập đức như sau:

- 1.– Muốn đặng phước, cố gắng làm phước.
- 2.– Muốn đặng ấm no, sáng kiến siêng năng.
- 3.– Muốn đặng kính trọng phải giữ danh giá.
- 4.– Muốn khỏi hình phạt phải tuân kỷ luật.
- 5.– Muốn đặng nên người phải cần siêng học.
- 6.– Bạo động là đại, ý lại là ngu.

Cửa tiên chất để bằng non,

Không bằng chứa đức cháu con đặng nhờ.

Vậy chúng ta là người tu, phải ráng vun trồng cội đức hằng ngày cho được đầy đặn, hãy tránh những lời nói tổn thương, tập tành những tư tưởng, hành động Đạo đức, hầu lần lần dẹp phạm tánh, tạo Thánh tâm thì ngôi vị Thiêng Liêng mới mong gấm ghé đặng.

12. TÔN CHỈ NHO GIÁO

Cứ theo ý kiến của Khổng Tử thì vạn vật trong vũ trụ cứ biến hóa vì lẽ tương đối mà lưu hành mãi mãi không lúc nào nghỉ. Thiên Đạo đã không nhưt định thì việc ở đời có gì nhưt định được. Vậy ta cứ nên từng thời mà hành động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy thái độ điều hòa, cái bình hành hoàn toàn thì sự hành vi của ta bao giờ cũng được trung chánh. Làm việc gì cũng giữ cho trung bình vừa phải, không thái quá, không bất cập, ấy là theo cái Đạo trung dung rất phải rất hay. Khổng Tử đem tông chỉ ấy mà lập thành một cái Đạo nhân sanh triết học tức là cái Đạo luân lý rất êm ái, rất hòa nhã, đủ làm cho người

ta có cái vẻ thư thái vui thú, không có những điều lo sợ buồn bã nữa.

Có người nói rằng: Nho Giáo đã theo thiên lý mà lưu hành để cầu lấy sinh thú ở đời, thì sao không để cho người ta được phóng khoáng tự do như Lão Giáo mà lại đem nhân nghĩa lễ nhạc để hạn chế sự hành vi của người ta làm thành ra những điều câu thúc khó chịu?

Xin trả lời rằng: Nho Giáo sở dĩ khác Lão Giáo chỉ bởi có thể thôi. Lão Giáo thì cầu lấy sự phóng khoáng, tự do, không muốn bận đến mình, cho mọi việc đã có Đạo là cái chí cao cường làm chủ trương rồi. Nho Giáo thì cho nhân nghĩa lễ nhạc là cái dụng của thiên lý, mình có làm được những điều ấy thì mới theo được thiên lý mà lưu hành. Vậy cái sinh thú của mình là cầu lấy trung dung tự đắc ở trong những điều ấy.

Còn những sự câu thúc vụn vặt thì không phải là tông chỉ của Nho Giáo, đó chẳng qua là về sau những người Nho học hiểu lầm cái tông chỉ ấy mới bó buộc mình vào những lễ nghi chật hẹp, làm cho sai lạc mất cái tinh thần thuần túy của Nho Giáo. Kỳ thật những điều nhân nghĩa lễ nhạc có cái ý nghĩa rất sâu xa, rất rộng rãi. Ai đã theo được con đường ấy mà đi là không có điều gì là câu thúc khó chịu cả. Xét cho kỹ Nho Giáo trong những điều nhân nghĩa lễ nhạc chính là một việc rất quan hệ về đường tâm lý học.

Nếu không có cái gì giữ cái tà dục cho có chừng mực và khiến người ta biết theo đường thẳng mà đi thì rồi dần dần tư dục mạnh lên đem ta đi vào những đường quanh co, lâu thành ra không biết đường nào là phải mà đi nữa. Bởi thế Thánh nhân mới định rõ thế nào là nhân,

thế nào là nghĩa.

NHÂN là để được yên và vui.

NGHĨA là để cho biết điều trung chánh mà làm. Lại định ra LỄ để gây thành những tình cảm tốt để tái chế sự hành vi của người ta và để phân ra trật tự cho phân minh, không có điều gì hồ đồ rối loạn chế ra.

NHẠC để cho trên dưới điều hòa mà cùng nhau hành động cho thích hợp với cái “*Đạo Thái Hòa*” của Trời Đất.

Nhơn Nghĩa Lễ Nhạc tựa hồ những con đường đã làm sẵn, đi ngang đi dọc thế nào đã có nêu, có mốc chỉ rõ cả rồi, ta cứ yên lòng mà đi không phải nghi ngờ lo sợ điều gì nữa.

Ấy là một cách làm cho ta ung dung ở trong qui cũ, tức là được yên và vui. Đã được yên và vui rồi cứ theo lẽ tự nhiên của tạo hóa mà đối thời dục vật như thế chẳng phải là gây thành một cái sanh thú ở đời hay sao?

(Trích No Giáo Quyển Hạ của Trần Trọng Kim trang xxvi)

13. HUỖNH HẠC

Chúng tôi xin trích trong Đông Du Bát Tiên trang 42 tích Huỳnh Hạc như sau:

Lữ Đông Tân qua Châu Nhạc Dương cho thuốc thí tìm người lành mà độ tu hành, té ra độ không đặng ai, cứ độ rượu tại quán Tân Thị mãi. Ông uống chịu Tân Thị không đòi, uống lối nửa năm không trả một đồng điếu.

Thấy Tân Thị không đòi ông bảo rằng: “*Người lấy vỏ*

quít tươi ra đây đặng ta dùng nó thế mực vẽ con hạc vàng trên vách tường hễ có khách đến uống rượu thì kêu huỳnh hạc xuống múa, vài năm như vậy người thâu lợi quá trăm ngàn cái tiền rượu chắc làm giàu nổi”.

Chủ nhà vâng lời trọng đãi. Lữ Đồng Tân vẽ Hạc, uống rượu rồi từ giả.

Tân Thị thấy khách tới kêu Huỳnh Hạc, thấy Hạc vàng trên vách nhảy xuống múa men, đến khách về nó nhảy lên vách thì là Hạc vẽ.

Thiên hạ đồn đến chạt quán, nhờ bán đắc mà làm giàu.

Cách ít năm, Lữ Đồng Tân đi ngang qua quán, Tân Thị mừng rỡ rước vào đãi rượu tạ ơn. Lữ Đồng Tân hỏi: Trừ đủ tiền chịu hay chưa?

Tân Thị nói: Dạ đã quá lời quá vốn.

Lữ Đồng Tân lấy ống sáo thổi 3 bản, Hạc vàng trong vách bay ra, Lữ Đồng Tân cỡi Hạc bay mất.

Tân Thị cắt cái lều lại đặt tên là Huỳnh Hạc, sau có kẻ để thơ lên vách tường.

14. LỤC ĐỘ LÀ GÌ?

Lục độ là 6 tánh đức tốt của các vị Bồ Tát.

- 1.- Bố thí hay lòng hỷ xả (la charité)
- 2.- Trì giới hay là tịnh giới (la pureté)
- 3.- Nhẫn nhục (la patience)
- 4.- Tinh tấn
- 5.- Thiền định (l' absorption, action de se prolonger,

de s'absorber dans le calme absolu).

6.- Trí huệ (la sagesse parfaite)

(Trích trong Pháp Bửu Đàn Kinh của Thượng Tọa Thích Trang Trực)

Độ là dùng trí huệ đánh dẹp.

Tà đến lấy chánh mà độ,

Dữ lại dùng lành mà độ,

Mê dùng ngộ mà độ,

Thế mới là thiệt độ.

Chí Tôn lại dùng danh từ “*Tận độ chúng sanh*” tức Ngài muốn cứu vớt chẳng những 92 ức nguyên nhân còn đọa lạc nơi cõi trần nhớ đem về nơi Cõi Hằng Sống là Bạch Ngọc Kinh, mà Từ Phụ còn muốn độ cả Bát Hồn nữa. Ngài nhờ Thánh Thể Ngài dẫn dắt các bạn đồng sanh của mình là vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn hiệp với Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn mà nhập vào khối Thái Cực của Chí Tôn.

Nếu chúng ta tròn phận sự thì mới trọn ý nghĩa câu: “*Tận độ chúng sanh*”. Ấy là Thiên mạng của Thánh Thể hôm nay phải cố gắng đoạt cho kỳ được theo Thánh ý của Đại Từ Phụ là “*Trọn câu phổ độ*”.

15. TRƯỜNG CÔNG QUẢ

(Do Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật dạy)

Tệ huynh xin nhắc lời yếu ngôn của Đại Từ Phụ hồi buổi ban sơ.

Thầy có nói: “*Thầy lập Đại Đạo kỳ này là lập một cái trường công quả. Nếu các con đi ngoài trường công quả ấy thì không trông gì về cùng Thầy đặng*”.

1.– Bên vô hình là các Đấng Thiêng Liêng (Phật Tiên Thánh Thần) cũng lập công quả trong buổi chuyển thế này. Các Đấng Thiêng Liêng thường theo một bên chúng ta đặng cứu trợ chúng ta về phần vô vi.

2.– Còn các việc hữu hình tại thế là các việc phải có thì hài như chúng ta bây giờ mới làm đặng thì về phần chúng ta phải lo làm, rồi các Đấng Thiêng Liêng ám hộ.

Thí dụ như tôi đi độ rồi nhơn sanh phải nói Đạo cho người ta nghe, như phải lập mấy cuộc để giúp thế đang nguy nan, như trường dạy trẻ cô đọc học, nhà thương, nhà dưỡng lão, cùng các nhà nghiệp cho Đạo Hữu có phương làm ăn đặng cơm tẻ ngày hai, có áo quần che thân ấm cật v.v...thì chúng ta phải lo hết, rồi các Đấng Thiêng Liêng ám trợ cho thành tựu.

Nếu chúng ta làm biến không làm công quả dù cho tạo bên hữu hình thì các Đấng Thiêng Liêng theo mình không lập công quả được thì tội trọng về phần mình chịu lấy.

16. PHẬT MẪU BAN CHƠN THẦN CHO NHƠN LOẠI

Đàn cơ tại Thảo Xá H. Cung,

Ngày 15-11-Tân Mùi (dl 23-12-1931)

Phò loan: Phạm Hộ Pháp - Bảo Văn Pháp Quân

DIÊU TRÌ KIM MẪU

Thiếp chào chư Hiền đồ Nam Nữ.

*Có Từ Bi giá ngủ, Thiếp nhượng cho Người, mà Người
nhượng lại cho Thiếp giáng trước giáo hóa đôi điều. Thiếp
phải tuân mạng.*

Chư Hiền đồ bình thân.

THI:

*Từ Hồn độn Chí Tôn hạ chí,
Cho Thiếp quyền quân Khí Hu Vô.
Lấy Âm quang tạo phách tăng đồ,
Muôn vật cả lo cho sanh hóa.
Nuôi nấng lấy xác thân hòa hỏa,
Thuận Âm Dương căn quả hữu vi.
Chưa ai vào đến cõi trần này,
Chẳng thọ lấy Chơn Thần tay Thiếp.
Sanh dưỡng đã biết bao căn kiếp,
Rồi dặt diu cho hiệp với CHA.
Kìa mớm cơm vú sữa cũng là,
Sanh một kiếp người ta đáng mấy!
Dầu hài cốt trăm năm cũng vậy,
Khởi tình thương chẳng lấy chi nhiều.
Hưởng tạo Thiên đùm bọc chất chiu,
Sanh một đứa liễu ngàn thế kỷ.
Chịu mất trẻ cũng vì Tà mị,
Cướp con thương bỏ vị quên ngôi.
Ôi! Thương đòi phen phải chịu ngậm ngùi,
Thấy thân trẻ nổi trôi biển khổ.
Trần trọng lấy hình hài dơ ố,*

Còn thiện lương vô số tiếc thương,
Hằng trông mong con đặng phi thường,
Đem vào đặng con đường Hằng Sống.
Kể từ trước Thiếp là hình bóng,
Biết thương con chẳng mòng con thương.
Đạo dịu Đời bởi Thiếp lo lường,
Trên mới thuận khoáng trượng phổ tế.
Kể từ trước Đạo còn bị bề,
MẸ thương con chẳng thể dặt dìu.
Nay côi trần nghiệt chướng giảm tiêu,
Ngọc Hu định đã nhiều phép cứu.
Thiếp từ đặng Phái Vàng chỉ bữu,
Lịnh Chí Tôn khai mới Tam Kỳ.
Hằng ngày lo cho đám Nữ nhi,
Chẳng đủ trí sánh bì Nam tử.
Ơn nhờ có con là Long Nữ,
Đến thay thân Thiên sứ Từ Hàn.
Đùm bọc em rón bước một đàng,
Đặng cho MẸ dễ dàng cứu rỗi.
Kìa Cục Lạc Niết Bàn đem đổi,
Khởi thân phạm làm mới giải oan.
MẸ trông con về cảnh an nhàn,
Ở trần thế muôn ngàn sầu thảm.
Côi Thiên vị cho con còn dám,
Hưởng dạy khuyển mô phạm căn tu.
Chỉnh biếc con chẳng rõ hiền ngu,
Đặng tự định công phu trọn phận.

*Con thì đưa đường đời lẩn quẩn,
Con thì hay vay trở cơ mầu.
Mỗi huyền vi nào hiểu cao sâu,
Cứ đeo đẳng mạch sâu nguồn thắm.*

*Con ví biết mình cao bực phẩm,
Thì phải toan cho dám phế đời.
Các em con chỉ để con người,
Coi con bước mấy đời nổi gót.*

*Lời cần yếu MẸ than cho trót,
Muốn dạy em phải xót xa chừng.
Phải hằng ngày ở dựa bên lưng,
Nhắc từ chuyện, khuyên răn từ việc.*

*Cửu Nương vốn nhọc nhằn chẳng tiếc,
Chỉ trách con chưa biết nhập trường.
Phải hiểu rằng lòng MẸ hằng thương...*

THẮNG

17. VIỆC CÔNG-TÌNH TƯ

Xã hội Việt Nam bị chiến tranh dai dẳng hơn 30 năm xảy ra lắm chuyện buồn cười. Có một sự thật 100% làm chúng ta phải suy ngẫm cái công khó mà phân tích lúc nào xứng hô cho phải lẽ.

Có một thanh niên đang học đại học bị gọi nhập ngũ trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức rồi ra làm quan đến Thiếu tá. Thời gian 10 năm sau vì cuộc chiến quyết liệt, chánh phủ phải kêu nhập ngũ những người lớn tuổi, thế là cha ông Thiếu Tướng cũng phải làm nghĩa vụ quân sự. Sau nhiều lần được bố đi nhiều nơi cuối cùng ông lại được

bổ đến đơn vị con ông chỉ huy.

Một hôm vợ ông lên thăm ông mà cũng thăm thẳng con Thiếu Tá của bà. Ông mừng rỡ chạy vào văn phòng báo cáo. Ông nện gót giày bộp bộp nghiêm chỉnh 2 chơn chụm lại cái rụp, tay phải đưa lên chào theo quân luật, miệng nói: “*Chào Thiếu Tá*”.

Thiếu Tá day lại hỏi: “*Có chi?*”

Ông trả lời: “*Thưa Thiếu Tá, có Má mấy lên.*”

.....

Câu chuyện đơn sơ mà bao hàm hai ý nghĩa đặc biệt.

Nghĩa thứ nhất là ông làm nhiệm vụ một quân nhân đối với thượng cấp, ông phải kính cái chức vụ của nhà nước đặt cho ông, nên ông nghiêm chỉnh lễ lộc theo quân cách, phải dạ thưa con mình một cách cung kính.

Nghĩa thứ hai là ông báo cáo cho thẳng con ông với tư cách cá nhân chứ không phải chức vụ của nhà nước nữa, ông cho nó hay là má nó lên thăm nó và ông là cha nó nên ông kêu nó bằng “*Má*”.

Tại sao lại nói: “*Có Má mấy lên*” mà không nói “*Có Má Thiếu Tá lên?*”

Ông lính già nầy tế nhị chứ không phải lòi thòi đâu. Nếu nói Má Thiếu Tá lên thì sao ông là cha của nó mà lại phải chào nó, phải dạ thưa với nó? Ông phân tích nhiệm vụ công cộng của quốc gia với nhiệm vụ cá nhân của gia đình một cách rõ rệt. Ông không ý lại ông là cha Thiếu Tá mà vào văn phòng không nghiêm chỉnh cầu thả kêu con: “*Hai ơi! hay Tám ơi! Má mấy lên thăm mấy kìa*”, hay kêu tên tục của Thiếu Tá. Nếu tên tục mà đẹp thì không

sao nhưng nếu rủi mang tên Đực hay Đẹt thì vô tình làm giảm uy tính của một Sĩ Quan tức danh dự của Tổ Quốc. Nên ông phải nện gót giày, đứng nghiêm giờ tay chào còn dạ thưa lễ phép, còn thốt rằng: “*Thưa Thiếu Tá*” cho nó phải lễ của một tên lính nói chuyện với ông quan.

Tới câu “*Có má mây lên*” ông đặt Thiếu Tá vào việc tư rồi, việc gia đình của ông, nên ông làm cha ông phải kêu nó bằng mây, mà má mây tức là vợ tao, lúc đó ông cho con một tin mừng là cha con ta sẽ ăn một bữa cơm ngon lành trong cảnh trùng phùng mà bấy lâu đã ao ước, sẽ hàn huyên tâm sự, sẽ han hỏi thân nhân, xóm giềng, sự học hành của anh em, con cháu v.v...

Công việc trên bắt ta liên tưởng tới việc Đạo. Có nhiều Chúc Sắc về gia đình đối với cha mẹ cứ nghĩ mình không phải là con nũa, rồi bất kính với song thân, hóng hách với cô bác xóm giềng. Còn xóm giềng cô bác, cha mẹ lại không dám kêu tên tục của Chúc Sắc, việc ấy làm mất cảm tình không phải là ít.

Noi gương Đức Hộ Pháp, chúng ta nên lột lớp công ra ngoài để đi vào việc tư thì sự hạ mình ấy chẳng những không làm sức mẽ uy tín mà còn làm tăng thêm sự cảm mến của quần chúng là khác.

Gương thứ nhứt: Mỗi năm đến ngày cúng đình, Đức Ngài mặc khăn đen, áo dài đen đến Đình Long Thành để lạy ông Thần Hoàng Bốn Cảnh, cùng tâm sự với Hương Chúc, Hội Tế. Ngài nói: “*Tôi thuở nhỏ sanh trường tại đây, cũng nhờ ông Thần phò hộ nên mới mạnh giỏi mà học hành, lớn lên nên danh phận cũng nhờ ông, nên tôi nhưn*

danh cá nhân tôi đến lay ông để đến ơn". Gương ấy làm cho bao người tỉnh ngộ, giảm bớt tính tự kiêu, tự đại.

Hơn nữa chúng ta đã biết Đức Di Lạc Vương Phật là vị Phật cao nhất trong hàng Phật mà khi đến với Phật Mẫu cũng phải quì, tức là Ngài lấy cái tư mà đối đãi cùng Bà Mẹ Thiêng Liêng chớ không nghĩ là ngôi cao quyền lớn mà không thủ phần hiếu thảo.

Vậy, dầu cách vật xử thế hay mang Thiên mạng nơi mình, chúng ta nên để cho phải chỗ cái công, cái tư cho phân biệt. Nên chi Phật Mẫu chỉ muốn ta mặc bạch y mà hầu Bà. Trước Phật Mẫu dầu trai gái cũng thấy là con, kẻ sang, kẻ hèn, kẻ trí, kẻ ngu bà không phân khinh trọng. Bà còn thương đứa cô thế khổ não hẳn hơn người quyền cao tước cả.

Gương thứ hai: Đức Ngài dự đám tang của Bà Nhạc Mẫu ông Hồ Tấn Khoa (lúc ấy lối năm 1950 Ngài Bảo Đạo còn là Hiền Tài), Chức Sắc từ Chánh Phối Sư đến Giáo Hữu rất đồng đều mặc trường y theo Ngài để cầu nguyện, có cả vài vị Thời Quân tùy tùng. Ai nấy tưởng Ngài thấp hương trước linh sà cầu nguyện rồi xá thôi. Nào dè Ngài nói: "*Bản Đạo hơn danh là bạn của Khoa, mẹ Khoa tức mẹ Bản Đạo*", rồi Ngài sụp xuống lay. Cả Chức Sắc đứng sau lưng Ngài đều lay.

Cử chỉ cao đẹp ấy làm gia đình bên bà Khoa, nhưt là Kỵ Sư Nam súc động. Họ nhỏ to nhau: thật hạnh phúc cho bà già được cả Hội Thánh Cao Đài cầu nguyện và tin rằng Bà sẽ được siêu thoát nhờ ân đức của Đức Hộ Pháp. Biết đâu Ngài Hồ Bảo Đạo hy sinh trọn vẹn cho Đạo hôm nay là nhờ tâm lý hạ mình, lấy tính cách cá nhân mà không lấy quyền của Ngự Mã Thiên Quân để cảm hóa.

Nếu khách bàn quan phê phán ông Giáo Chủ đi lay một người đời thì giá trị của Đức Ngài càng tăng vọt, vì người đời ấy là mẹ của bạn ông, ông xem như chính mẹ ông, chỉ để trọn tình bạn tác.

Gương thứ ba: Khi Bà thân mẫu của ông Thánh Đốc Quang Hiển qui vị, Đức Ngài ra điếu tang, đứng trước linh sàng và nói: “*Bản Đạo hôm nay đến đây để biết ơn một vị đã tạo cho Đạo Cao Đài một ông Thánh*”. Rồi Ngài quì lay trước sự ngạc nhiên của mọi người.

Gương thứ tư: Khi Thừa Sứ Phạm Ngọc Trấn qui vị, linh cửu quàng tại văn phòng Hiệp Thiên Đài, Đức Ngài đến bước vào nói: “*Bản Đạo lay Trấn vì Trấn đã lắm công phu với Đạo*”. Ngài Trấn Khai Pháp kéo Ngài lại và nói: “*Xin Đức Ngài để tôi thay Ngài mà lay Trấn*”.

Thật là Thầy nào trò nấy, cử chỉ của Đức Hộ Pháp đẹp bao nhiêu thì cử chỉ của Ngài Khai Pháp cũng đẹp bấy nhiêu. Gương sáng trong Đạo Cao Đài đã để trước mắt. Chúng ta hãy coi cái tước quyền gởi một bên mà làm phận sự Thầy trò, bạn tác hay phận sự cá nhân đối với đồng bào ngoại Đạo. Cái ý nghĩa đó chúng ta mới đi mau đến thuyết đại đồng như loại. Trái lại nếu bo bo nói rầy Chúc Sắc không nên lay kẻ thấp hơn mình, kẻ ngoại Đạo thì biết chừng nào mới trọn câu phổ độ.

18. ĐẠO LÝ UYÊN THÂM

Huyền vi mẫu nhiệm của Đức Chí Tôn đương lập pháp khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong buổi hạ ngưng cho phù hợp với nhơn sanh hiện tại và đại ân xá kỳ ba.

Giả chẳng như đời Thượng Cổ, loài người mới sanh

ra còn ở trong phạm vi thánh đức, tánh tình thuần hậu, hòa huân ôn lương, đầy đủ tinh thần, thật thà chơn chánh, còn chặt giữ thiên căn, linh tâm sáng suốt, chưa triêm nhiễm tục trần, hằng giữ tánh thiên nhiên, tư tưởng có Trời mà sợ luật quả như báo ứng; nên đời ấy nhà không đóng cửa, đường không lượm của rơi. Nên ít tu mà thành nhiều, đó là hạng nguyên nhân, thờ giữ bốn căn chí thiện, đời ấy con người được thọ, hưởng niên cao, sống ngàn tuổi.

Lần lược về sau, đời càng thay đổi, con người nhiễm lấy tục trần, vui lấp chơn linh mới đọa lạc vào chốn mê đồ khổ hải mà chìm đắm biết bao nhiêu người có tiền căn cự vị. Vì đó mà Tam Giáo Thánh như mới ra đời đặng lập Giáo cứu đời. Số đọa lạc 92 ức đang chơi vui giữa dòng bể ái. Kể đó tôn Giáo lại qui phạm nên nguồn Đạo bị bế. Nếu Đạo bế dấu như sanh tu luyện cách nào cũng khó tu thành chánh quả, vì cự luật đã bị Ngọc Hư Cung biếm bác, còn Cổ Pháp thì Lô Âm Tự phá tiêu. Vậy ngày nay Cự Luật, Cổ Pháp không còn ý vị chi hết.

Những bậc tu hành mà tưởng lầm phải từng cự luật, cổ pháp thì trái hẳn Thiên Điều của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thể thiên hành chánh, nên Đức Chí Tôn cấm ngũ chi phái Ngọc dùng cự luật mà mê hoặc như sanh nữa. Hễ từng cự luật tức từng Thiên Điều, hễ từng Thiên Điều khó lập vị cho mình đặng.

Ấy vậy Tân Luật ra gồm cả Tam Giáo tức là 1 thành 3 mà 3 cự luật của Tam Giáo hiệp nhau cũng như 1, nghĩa là Tân Luật.

Lại nữa bữa trước là Thiên Điều buộc như loại nâng cao phẩm hạnh mình cho bằng Thân Thánh Tiên Phật đặng đoạt đức tánh mà lập vị mình. Còn nay thì

các Đấng ấy đặng hạ mình đến cùng nhơn loại đặng diu dắt cả chơn hồn lên đến tột phẩm vị Thiêng Liêng ngang bậc cùng Thầy.

Nên buổi buộc thì khó, buổi mở thì dễ, ấy là lẽ tự nhiên. Huống chi nhơn trí qua khỏi nguơn tấn hóa thì đã tăng tiến lên địa vị tối cao nên chủ nghĩa cựu luật không đủ kèm chế đức tin, mà hễ nhơn loại mất đức thì cơ tự diệt vẫn còn, nhơn loại khó tránh cái nạng giết nhau cho đặng. Đòi phải nương Đạo mới còn, Đạo phải tùng đời mới vững. Nên buộc Thầy phải lập Hội Thánh là nền hữu vi tại thế gian nầy cho người rõ thấy cái huyền vi tối đại mới dục lòng tu niệm. Vì thế mà Thầy phải lập Tòa Thánh phân ra ba đài.

1.- **Bát Quái Đài** là Bạch Ngọc Kinh tại thế mà để thờ Thần Thánh Tiên Phật và chư tín đồ, chư Chúc Sắc Thiên Phong qui vị mới trọn phép Trời người hiệp một.

2.- **Cửu Trùng Đài** là hình trạng Cửu Thiên Khai Hóa lại hiệp với Cửu Phẩm Thần Tiên.

3.- **Hiệp Thiên Đài** là Thiên Môn mở cửa ra, có kẻ mời người đưa rước, kêu cả nguyên nhân trở lại cựu vị mình đặng hiệp 1 cùng Thầy hay là mời cả hóa sanh hội viên tranh đoạt phẩm vị đến ngang bậc cùng Thầy. Ấy là ngõ hiệp các chơn hồn trong toàn thế giới. Nếu rõ ra cố ý thì hình trạng hữu vi tức hình trạng thế gian nầy đã đủ quyền phổ độ bạn của chúng sanh vào cửa Đạo. Vậy trước khi muốn vào Cửu Trùng Thiên thì phải vào Cửu Trùng Đài đặng đoạt thủ địa vị mình. Nếu không vào Cửu Trùng Đài đi nơi nào mà về Cửu Trùng Thiên cho đặng.

Vậy muốn đoạt Đạo làm cách nào?

– Ấc phải tòng y khuôn viên luật pháp chơn truyền mà lập đức bồi công trong buổi trường thi công quả.

Biết mà tìm ra Đạo lý uyên thâm thật hành chánh đáng, trong thì giữ dạ bác ái từ bi, ngoài thì phải thật hành nhơn nghĩa mà độ rỗi sanh linh hoặc tìm phương bồi công lập đức, thì một vị tín đồ biết làm tròn phận sự cũng thoán lựa là phải quyền hay tước phẩm.

Tỷ như một người lính của Quân Đội Cao Đài có tu luyện chi chưa mà gặp phải lúc chiến tranh đối thủ cùng kẻ nghịch thù đặng cứu vãng tình thế trong lúc nguy nan gặp phải cảnh tình đành bỏ mạng thì được phong vào hàng Thánh. Hay là một vị tín đồ mà được cái công nghiệp phi thường, mà rủi qui vị trước ngày phong thưởng cũng còn được truy phong tùy theo đẳng cấp cùng là phẩm vị.

Ấy là lẽ công bình của Đức Chí Tôn trong thời kỳ ân xá. Lại nhằm lúc Đạo Trời hoằng hóa đặng cứu vớt quần sanh nên cũng đành chịu hy sinh cùng Đạo là cái công vĩ đại từ xưa của các bậc Thánh Hiền vì đó.

Hiện giờ con cái Đức Chí Tôn của Đạo huyền vi bí mật đã lọt Thiên cơ trước mặt cho các bậc nguyên nhân, quĩ nhân cùng được lập mình chí thiện mà đoạt thủ địa vị cao siêu hằng giữ chánh tâm tu niệm. Trong phép tu phải giữ một điều căn yếu như sau:

- 1) Thân thể cho tinh vị, đừng để xa vào lục dục thì thuận vào trí lực khôn ngoan.
- 2) Khí lực cho cường thịnh thanh bại đừng đến đổi mà mê muội bởi thất tình trí lực khôn ngoan thuận theo linh tâm nảy nở.
- 3) Linh tâm phải định tĩnh từ hòa, đừng để cho

đến đổi mờ ám, tự tin và thuận với lòng Trời
thiện lương tại thế, đoạt phép huyền vi.

Thân là Tinh

Lực là Khí

Trí là Thân

Tinh là thân thể, Khí là điển lực nghĩa là trí lực, Thân là linh hồn. Ba cái báu của mình ngày nào tương đắc hòa hiệp cùng nhau mà làm tôn chỉ. Có hòa mới có hiệp, có hiệp mới có thương, mà sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh y như Chí Tôn đã dạy.

Chủ nghĩa là từ bi bác ái mới đoạt Đạo vô vi. Vậy thì Đạo hay đời cần phải phong tục lễ nghi và thanh liêm minh khiết thì trăm việc cũng thành. Bằng giữ thói xấu xa đê tiện hoặc tự đắc, tự kiêu, tự tôn tự đại thì đâu đáng phận làm người. Anh chưa đáng phận làm người về phần nơn Đạo thì mong chi cầu đến Thần Thánh Tiên Phật. Nếu không đáng Phật Tiên đi nữa cũng phải làm sao cho ra vẻ Thánh Hiền chớ nó đâu mang lông đội sừng thì còn chi danh giá kiếp sanh con người mà lại không dám làm môn đệ Chí Tôn mà chớ.

Tóm lại, linh tâm phục tánh mà tìm kiếm cho ra cội rễ luyện thân, suy cổ nghiệm kim mới hiểu rõ huyền vi tạo hóa. Đời thường có trị có loạn, cùng loạn rồi đến trị, Đạo cũng có lúc thịnh hồi suy rồi tới chánh trị. Thịnh bại hưng vong ấy chẳng ngoài cơ Đạo chuyển.

(Tài liệu do ông Phối Sư Ngọc Đại Thanh cung cấp).

19. PHÙ DU THẾ CUỘC

Đức Lý Đại Tiên giảng cơ cho bài Đường Thi sau đây để nói cuộc thế mỏng manh, công danh như bèo bọt, ngày tháng dập dờn trôi của cải mà ta dày công tạo lập phải bỏ lại mà đi bằng hai bàn tay trắng.

Ngài khuyên chúng ta gắng nhớ ngày trở về quê cũ mà bỏ tánh luyến trần.

Cập trong Ngài buồn lững những chữ “*Nghe nghị thiệt...; Tưởng lập càng...*” nó tuyệt diệu làm sao đâu. Tuy không nói hết tác giả mà người đọc có thể thêm vào ý mình.

*Công danh ví dụ đám bèo tan,
Lấp xấp quang âm bóng đã tàn.
Vương Khải đồn rân nghe nghị thiệt...
Thạch Sùng tiếng dậy tưởng thêm càng...
Suy qua cuộc thế vừng mây giáng,
Xét lại người đời cụm khói chan.
Nhớ chốn Đào Nguyên tua trở gót,
Màng chi khuê các với giàu sang.*

LÝ ĐẠI TIÊN

Viết xong Quyển IV ngày 20 tháng 4 nhuận

Nhâm Tuất (1982)

QUANG MINH

(Xin xem tiếp quyển V)

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO

Soạn Giả: QUANG MINH